

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS- ST
Ngày 20/7/2023
V/v: *Phân chia tài sản chung và
chia di sản thừa kế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ, ông Nguyễn Tiến Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*Phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXX- ST ngày 05 tháng 5 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST – DSTC ngày 26/5/2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2023/QĐST -DSTC ngày 26/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1933

Địa chỉ: Thôn C2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

Người đại diện theo Ủy quyền của cụ Nguyễn Thị K: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C1, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

2. Ông Văn T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C1, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

3. Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

5. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1975. Cụ Nguyễn Thị K giám hộ cho ông Nguyễn Đình T ủy quyền cho Ông Nguyễn Đình D giám hộ cho ông Nguyễn

Đình T (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thọ Sơn, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

7. Bà Đặng Thị P, sinh năm 1962 (có mặt)

8. Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

10. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/11/2022 cùng các lời khai nguyên đơn cụ Nguyễn Thị K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình D thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Thị K xây dựng gia đình với cụ Nguyễn Đình Thìn sinh được 07 người con gồm:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.
2. Nguyễn Đình T, sinh năm 1963.
3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.
4. Nguyễn Đình D, sinh năm 1969.
5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1972
6. Nguyễn Đình T, sinh năm 1975
7. Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Ngoài ra, cụ K, cụ Thìn không có nhận con nuôi nào khác.

Trong quá trình sinh sống, cụ Thìn, cụ K có tài sản chung là diện tích 979m² (trong đó có 400m² đất ở, 579m² đất vườn) tại thôn Chôi, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01254 QSDĐ/QĐ số 599/QĐ/UB(H) ngày 21/9/2001, mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình cụ Nguyễn Đình Thìn gồm có 03 thành viên là cụ Nguyễn Đình Thìn, cụ Nguyễn Thị K, và con trai Nguyễn Đình T.

Thửa đất có tứ cạnh tiếp giáp:

Phía Đông Bắc: Giáp nhà ông Nguyễn Đình D.

Phía Tây Bắc: Giáp nhà ông Cốp, ruộng nhà ông T.

Phía Nam: Giáp đường đi của thôn

Phía Bắc: Giáp nương của thôn và ruộng nhà ông T.

Trước năm 2005 trên diện tích đất có căn nhà gỗ 42m² đã xuống cấp năm 2005 đã được nhà nước hỗ trợ xây căn nhà cấp 4. Năm 2014 cụ Thìn chết, cụ K và con trai

vẫn sinh sống trên mảnh đất này. Khi chết cụ Thìn không để lại di chúc, năm 2019 ông Nguyễn Đình T là con trai trưởng tự ý sang chiếm đất xây nhà kiên cố diện tích còn lại trồng cây ăn quả như vải, nhãn. Đến năm 2021 ông T tự ý phá nhà của cụ K và ông T đang ở nên cụ không có nhà ở. Nay cụ Nguyễn Thị K làm đơn đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung là diện tích đất 979m² phần đất của cụ được hưởng trả lại cho cụ, phần của ông T được hưởng trả lại ông T, phần đất của cụ Thìn là di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế. Cụ đề nghị phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn để lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ K và các con của cụ K cụ Thìn là bà T, ông T, ông T, ông Dục, ông T, ông T, bà T. Do ông T đã xây nhà kiên cố trên diện tích đất nên cụ đề nghị Tòa án giao phần diện tích đất là di sản thừa kế của cụ Thìn cho ông T sử dụng và quản lý. Ông T phải trích chia cho đồng thừa kế được hưởng giá trị bằng tiền mặt. Nếu Tòa án có phân chia cho cụ Thìn diện tích đất có lớn hơn diện tích đất cụ được hưởng cụ cũng nhất trí. Con trai cụ là ông Nguyễn Đình T có sở tâm thần nhưng cụ không đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tâm thần đối với ông T.

Ông Nguyễn Đình D là người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị K trình bày: Ông tiếp tục nhận ủy quyền của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị K và ông đồng ý nhận ủy quyền của mẹ ông là người giám hộ cho em trai ông là Nguyễn Đình T. Do có mâu thuẫn với con cả là ông Nguyễn Đình T mẹ ông là cụ Nguyễn Thị K đã cùng ông Nguyễn Đình T sang nhà ông ở từ tháng 6/2022 và ông đã làm thủ tục nhập khẩu cho cụ K và ông T vào sổ hộ khẩu gia đình ông. Hiện nay cụ K và ông T đang sinh sống cùng gia đình ông. Năm 2019 ông T sang làm nhà trên mảnh đất của cụ Thìn và cụ K, anh em có ý kiến nhưng ông T vẫn tự ý làm nhà. Giờ đây ông đại diện theo ủy quyền của mẹ ông và giám hộ cho ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Đình T trả lại diện tích đất cho cụ K, ông T và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Thìn là mảnh đất có tổng diện tích 979m² tại thôn Chồi 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Nguyễn Thị K và 7 người con của cụ Thìn và cụ K: Là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Văn Văn T, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T. Ông đề nghị được hưởng phần di sản bằng đất. Ông không đề nghị Tòa trưng cầu giám định tâm thần đối với em trai ông là Nguyễn Đình T. Tại phiên tòa ông đề nghị được hưởng phần di sản thừa kế trị giá bằng tiền.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông là con trai trưởng của cụ Nguyễn Đình Thìn và cụ Nguyễn Thị K, năm 2002 bố mẹ ông giao hết công việc nhà cho vợ chồng ông, cuối năm 2004 Nhà nước hỗ trợ 2.350.000đ để làm nhà đến tháng 3/2005 ông làm nhà cho bố mẹ ở, được một thời gian thì cụ Thìn cầm sổ đỏ sang giao cho vợ chồng ông, từ ngày đó vợ chồng ông vẫn lo cho cuộc sống, lo thóc gạo cho bố mẹ ăn hàng ngày. Năm 2014 cụ Thìn chết và không để lại di chúc, đến năm 2019 nhà của mẹ ông xuống cấp vợ chồng ông đã xin ý kiến của mẹ ông là cụ K và cụ đồng ý để ông xây nhà to như bây giờ trên mảnh đất của cụ K. Khi xây xong ông đã đón cụ K và em Nguyễn Đình T về ở cùng để tiện chăm sóc. Cụ K cũng đồng ý để ông rời bỏ căn nhà cũ. Đến ngày 26/9/2021 mẹ ông có xô xát nhỏ với ông nên đã bỏ sang nhà em trai ông là Nguyễn Văn T ở. Đến tháng 5/2022 mẹ ông đồng ý về nhà ông ở, nhưng đến tháng 6/2022 ông D là con trai thứ 4 của cụ

K sang đón và mang hết quần áo của cụ K và em T về nhà ông Dở và không về nhà ông nữa ông không biết về nguyên nhân gì. Nay cụ K đòi phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế ông không đồng ý. Vì công sức ông chăm lo cho bố mẹ 19 năm, bố mẹ ông đã giao mảnh đất cho vợ chồng ông quản lý và sử dụng, ông đã xây nhà kiên cố trên đất. Nếu mẹ ông vẫn kiên quyết đòi đất và chia di sản thừa kế của bố ông là cụ Thìn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông đề nghị chia phần di sản thừa kế của cụ Thìn cho ông và giao phần đất ông đã làm nhà cho vợ chồng ông. Ông sẽ trích chia trả các đồng thừa kế khác kỹ phần bằng tiền. Hiện nay mảnh đất 979m2 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn và các tài sản trên đất do vợ chồng ông xây dựng lên, vợ chồng ông đang quản lý sử dụng. Ông không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với em trai ông là Nguyễn Đình T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là con gái cả của cụ Thìn cụ K. Bố mẹ bà là cụ Thìn và cụ K sinh được 7 người con thì 6 người đã xây dựng gia đình và đã ra ở riêng chỉ còn em trai T không được nhanh nhẹn ở chung với bố mẹ. Năm 2014 cụ Thìn mất em trai bà là ông T sang chiếm đất phá nhà của mẹ và em bà, đuổi mẹ và em ra khỏi nhà, do không có chỗ ở nên cụ K và em T phải sang nhà ông D là con trai thứ 4 ở. Nay mẹ bà là cụ K đề nghị chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, ý kiến của bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần chia di sản thừa kế của cụ Thìn bà đề nghị được hưởng phần di sản bằng đất.

Bà không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với em trai ông là Nguyễn Đình T. Tại phiên tòa bà đề nghị phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn bà đề nghị được hưởng phần di sản bằng tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là con trai thứ 3 của cụ K cụ Thìn. Từ khi cụ Thìn bố ông còn sống bố mẹ ông đã giao hết nhà cửa ruộng vườn cho anh trai cả của ông là ông T, ông T phải một tay lo cúng giỗ tết và lo đời sống cho bố mẹ ông. Năm 2005 Nhà nước hỗ trợ tiền xây nhà, ông T thêm tiền xây nhà cho bố mẹ ông ở đến nay được 19 năm, đến năm 2019 ông T hỏi ý kiến của mẹ ông đồng ý cho ông T xây nhà to và đón mẹ ông và em ông về ở cùng để tiện chăm sóc, sau đó có xích mích nhỏ mẹ ông và em ông lên nhà ông ở, sau đó ông Dxúi giục mẹ ông về đòi đất, đòi sổ tiết kiệm. Ông thấy việc đòi đất của mẹ ông là không công bằng đối với ông T. Nếu mẹ ông kiên quyết đề nghị chia tài sản chung và phân chia di sản của bố ông là cụ Thìn, thì ông đề nghị được hưởng phần di sản bằng tiền. Ông không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với em trai ông là Nguyễn Đình T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đình D trình bày: Ông là con trai thứ 4 của cụ K cụ Thìn. Bố mẹ ông là cụ Thìn và cụ K sinh được 7 người con thì 6 người đã xây dựng gia đình và đã ra ở riêng chỉ còn em trai T không được nhanh nhẹn ở chung với bố mẹ. Năm 2014 cụ Thìn là bố ông mất, anh trai ông là ông T sang chiếm đất phá nhà của mẹ và em ông, đuổi mẹ và em ra khỏi nhà, do không có chỗ ở nên cụ K và em T phải sang nhà ông ở. Nay mẹ ông là cụ K đề nghị chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, ý kiến của ông đề

ngợi Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn ông đề nghị được hưởng phần di sản bằng đất. Ông không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với em trai ông là Nguyễn Đình T. Tại phiên tòa ông đề nghị phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn ông đề nghị được hưởng phần di sản bằng tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là con trai thứ 5 của cụ K cụ Thìn. Anh trai ông là Nguyễn Đình T và chị dâu Đặng Thị P đã có công sức chăm lo cho bố mẹ và em trai T từ trước tới nay. Chỉ vì có mâu thuẫn nhỏ nhất mà mẹ ông sang nhà ông T ở, sau đó người ngoại chuẩn bị về nhà ông T ở thì ông Đón mẹ ông về nhà ở và xúi giục mẹ ông chia tài sản chung và chia di sản thừa kế. Ông thấy ông T bà P đã có công sức chăm lo cho bố mẹ ông và em trai ông theo nguyện vọng của cụ Thìn là bố ông. Bố ông là cụ Thìn lúc còn sống đã giao mảnh đất 979m² cho ông T để lo cho bố mẹ và em trai sau này giữ đất để thờ cúng tổ tiên. Các anh em còn lại bố mẹ ông đã cho mỗi người một phần. Nay mẹ ông đề nghị chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế ông không nhất trí. Nếu mẹ ông kiên quyết đề nghị chia tài sản chung và chia di sản của bố ông là cụ Thìn ông đề nghị được hưởng phần di sản bằng tiền. Ông không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với em trai ông là Nguyễn Đình T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông là con trai thứ 6 của cụ K cụ Thìn do ông sức khỏe không được tốt nên ông không xây dựng gia đình riêng mà vẫn ở chung với mẹ ông là cụ Nguyễn Thị K. Hiện nay ông và mẹ ông đã sang nhà ông D. Nay mẹ ông đề nghị chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, ý kiến của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nay vì lý do sức khỏe nên ông xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên Tòa xét xử. Ông không đề nghị Tòa án giám định tâm thần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là con gái út của cụ Thìn cụ K. Bố mẹ bà là cụ Thìn và cụ K sinh được 7 người con thì 6 người đã xây dựng gia đình và đã ra ở riêng chỉ còn anh trai T không được nhanh nhẹn ở chung với bố mẹ. Năm 2014 bố bà là cụ Thìn mất anh trai bà là ông T sang chiếm đất phá nhà của mẹ và anh bà và đuổi mẹ và anh T ra khỏi nhà, do không có chỗ ở nên cụ K và anh T phải sang nhà ông D là con trai thứ 4 ở. Nay mẹ bà là cụ K đề nghị chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, ý kiến của bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn bà đề nghị được hưởng phần di sản bằng đất.

Bà không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với anh trai bà là Nguyễn Đình T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị P trình bày: Bà là vợ ông T là con dâu cả của cụ Thìn cụ K. Từ năm 2002 bố chồng bà là cụ Thìn gọi các con tới họp gia đình và bàn giao tất cả công việc lớn nhỏ cho vợ chồng bà. Năm 2003 cụ Thìn ốm đi viện chỉ có vợ chồng bà bỏ tiền ra chăm sóc, cuối năm 2004 Nhà nước hỗ trợ 2.350.000đ để làm nhà. Đến tháng 3/2005 vợ chồng bà làm nhà cho bố mẹ ở, được một thời gian thì cụ Thìn cảm sở đỏ sang giao cho vợ

chồng bà, từ ngày đó vợ chồng bà vẫn lo cho cuộc sống, lo thóc gạo cho bố mẹ ăn hàng ngày. Khi đó bố chồng bà giục vợ chồng bà đi sang tên GCNQSDĐ nhưng bà nghĩ anh em ai có phần của người đó nên bà chưa làm thủ tục sang tên. Cụ Thìn cụ K và em T ở với vợ chồng bà từ đó cho đến nay do vợ chồng con cái bà một tay chăm sóc. Năm 2014 cụ Thìn chết và không để lại di chúc, đến năm 2019 nhà của cụ K xuống cấp, vợ chồng bà đã xin ý kiến của cụ K và cụ đồng ý nên vợ chồng bà xây nhà to như bây giờ. Khi xây xong bà đã đón cụ K và em trai Nguyễn Đình T về nhà bà ở để tiện chăm sóc. Cụ K cũng đồng ý để vợ chồng bà rời bỏ căn nhà cũ. Đến ngày 26/9/2021 cụ K có xô xát nhỏ với chồng bà nên đã bỏ sang nhà con trai T ở đến tháng 5/2022 cụ K đồng ý về nhà bà ở. Nhưng đến tháng 6/2022 ông D là con trai thứ 4 của cụ K sang đón cụ và ông T về nhà ở và không về nhà bà nữa. Hiện nay mảnh đất 979m² mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn và các tài sản trên đất do vợ chồng bà xây dựng lên và vợ chồng bà đang quản lý sử dụng. Giờ đây cụ K đòi chia đất bà không đồng ý. Vì công sức vợ chồng bà chăm lo cho bố mẹ 19 năm, bố mẹ đã giao mảnh đất cho vợ chồng bà, nếu mẹ chồng bà vẫn kiên quyết đòi đất và chia di sản thừa kế của cụ Thìn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị giao phần đất vợ chồng bà đã làm nhà cho vợ chồng bà và trích chia trả các đồng thừa kế khác bằng tiền. Bà không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với em trai là Nguyễn Đình T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Đình C trình bày: Anh là con trai cả của ông T bà P. Từ lúc còn nhỏ anh đã ở cùng ông bà nội là cụ Thìn cụ K trong suốt quá trình trưởng thành anh đã cùng bố mẹ chăm sóc cho ông bà nội và chú T không được nhanh nhẹn khỏe mạnh, toàn bộ cây cối ruộng vườn nhà cửa là do bố mẹ anh và anh em anh trồng và gây dựng lên. Tuy vợ chồng anh đi làm ăn xa nhưng vẫn gửi tiền về để bố mẹ chăm sóc ông bà và chú T. Năm 2014 cụ Thìn mất cụ K yếu đau đến năm 2019 anh cùng bố mẹ xin phép cụ K để xây ngôi nhà kiên cố để đón cụ K và chú T lên ở cùng. Toàn bộ nhà cửa cùng các công trình, cây cối tài sản trên đất là do bố mẹ anh ông T, bà P và vợ chồng anh cùng em trai anh là Nguyễn Văn Q xây dựng lên. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với chú anh là Nguyễn Đình T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T trình bày: Chị là con dâu cả của ông T bà P là vợ anh Nguyễn Đình C. Từ lúc chị về làm dâu chị đã sống chung với ông bà nội là cụ Thìn cụ K và sống chung với bố mẹ chồng. Trong suốt quá trình chung sống anh chị đã cùng bố mẹ chăm sóc cho ông bà nội và chú T, toàn bộ cây cối ruộng vườn nhà cửa là do bố mẹ chồng chị trồng và gây dựng lên. Nay cụ K đề nghị chia tài sản chung và chia di sản thừa kế. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với chú là Nguyễn Đình T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh là con trai thứ 2 của ông T bà P trong suốt quá trình trưởng thành anh đã cùng bố mẹ chăm sóc cho ông bà nội và chú T, toàn bộ cây cối ruộng vườn nhà cửa là do bố mẹ anh và anh em anh trồng và gây dựng lên. Nay cụ K đề nghị chia tài sản

chung và chia di sản thừa kế. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để gia đình anh đỡ thiệt thòi. Anh không đề nghị Tòa án giám định tâm thần đối với chú anh là Nguyễn Đình T

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định:

Diện tích 979m² (trong đó có 400m² đất ở, 579m² đất vườn) đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cho hộ ông Nguyễn Đình Thìn khi đo vẽ diện tích thực tế là 1575,3m² có các cạnh tiếp giáp như sau:

Phía Đông Bắc: Giáp nhà ông Nguyễn Đình D.

Phía Tây Bắc: Giáp nhà ông Cốp, ruộng nhà ông T.

Phía Nam: Giáp đường đi của thôn

Phía Bắc: Giáp nương của thôn và ruộng nhà ông T.

Giá đất ở là 950.000 đồng/m² x 400m² = 380.000.000 đồng

Giá đất vườn là 475.000 đồng/m² x 1175,3 = 558.267.500 đồng.

Tổng giá trị đất: 938.267.500 đồng.

Tài sản trên đất gồm có:

- 01 ngôi nhà cấp 4 loại 3 xây năm 2019 diện tích 145,7m² có giá là 568.104.000 đồng;

- 01 nhà vệ sinh diện tích 9,18m² có giá 12.055.000 đồng;

- 01 sân bê tông diện tích 209,6m² có giá 21.127.000 đồng;

- T vành lao diện tích 31,92m² có giá 15.551.000 đồng;

- Trụ công diện tích 1,83m² có giá 2.152.000 đồng;

- Cánh cổng bằng sắt diện tích 7,74m² có giá 7.346.000đ

- 19 cây Nhãn đường kính tán 1,5 - 2 m có giá 320.000đ/ cây x 19 cây = 6.080.000 đồng;

- 14 cây nhãn Nhãn đường kính tán 3 - 4 m có giá 785.000đ/ cây x 14 = 10.990.000 đồng;

- 21 cây vải đường kính tán 4 - 4,5m có giá 2.754.000đ/ cây x 21 cây = 57.834.000 đồng;

- 01 Cây bưởi có giá 2.585.000 đồng;

- 01 Cây Xoan đường kính gốc 30cm có giá 123.906 đồng;

- 04 Cây xoan đường kính gốc 18cm có giá 154.000đ/ cây x 4 cây = 616.000 đồng;

- 01 Cây xoan đường kính gốc 10cm có giá 109.000 đồng;

- 02 cây mít đường kính gốc 15 - 20 cm có giá 320.000 đồng/ cây x 2 cây =

640.000đ;

Tài sản trên đất có giá trị: 705.312.906 đồng.

- *Kết quả xác minh của Tòa án:* Tại Biên bản xác minh ngày 07/6/2023 của TAND huyện Lục Nam đối với UBND xã Lục Sơn diện tích trong GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Nguyễn Đình Thìn 979m² nhưng đo thực tế sử dụng tăng thêm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001 của thửa đất. Qua xem xét xác minh thì phần diện tích đất này có khuôn viên, ranh giới rõ ràng với các hộ xung quanh. Nên phần diện tích đất tăng lên này là sai số đo vẽ còn thực tế UBND xã không thấy các hộ dân xung quanh phản ánh hay khiếu kiện gì về việc tranh chấp với thửa đất của hộ ông Thìn mà trực tiếp ông T là người quản lý sử dụng.

Tại văn bản trả lời của UBND huyện Lục Nam xác nhận “Đất hộ gia đình ông Nguyễn Đình Thìn không lấn chiếm, không tranh chấp, không nhận chuyển nhượng hay nhận tặng cho với các hộ liên kề thì diện tích tăng thêm được xác định là do sai số đo đạc”

Như vậy, diện tích tăng thêm (596,3m²) của thửa đất là do sai số trong đo đạc, nên có đầy đủ cơ sở pháp lý xác định toàn bộ diện tích thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 có diện tích sử dụng thực tế là 1575,3m², trong đó 400m² là đất ở và cây lâu năm, 1175,3m² là đất vườn là tài sản của hộ gia đình cụ Thìn, cụ K tạo lập nên.

Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2023 với Công an xã Lục Sơn thì hộ khẩu năm 2001 của hộ gia đình cụ Nguyễn Đình Thìn gồm 3 người: Cụ Nguyễn Đình Thìn, cụ Nguyễn Thị K vợ cụ Thìn và ông Nguyễn Đình T con trai.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Văn T trình bày: Các ông bà là con ruột của cụ Nguyễn Đình Thìn, cụ Nguyễn Thị K. Cụ Thìn chết năm 2014 không để lại di chúc. Nguồn gốc thửa đất 979m² (trong đó có 400m² đất ở, 579m² đất vườn) diện tích sử dụng thực tế là 1575,3m², trong đó 400m² là đất ở và cây lâu năm, 1175,3m² là đất vườn tại thôn Chòi, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, được huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01254 QSDĐ/QĐ số 599/QĐ/UB(H) ngày 21/9/2001, mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn là tài sản của cụ Thìn, cụ K và ông T. Nay cụ K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là mảnh đất 979m² diện tích sử dụng thực tế là 1575,3m², trong đó 400m² là đất ở và cây lâu năm, 1175,3m² là đất vườn cho 3 người là cụ K, cụ Thìn, ông T. Phần tài sản của cụ Thìn thì chia thừa kế theo pháp luật chia làm 8 phần cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thìn gồm 7 người con và cụ K là vợ cụ Thìn. Cụ K yêu cầu phần đất chia di sản thừa kế ông T là con trai trưởng của cụ đã xây nhà kiên cố thì sẽ giao diện tích đất đó cho ông T, ông T phải trích chia kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng bằng tiền. Bà T ông D cũng nhất trí nhận kỷ phần di sản thừa kế trị giá bằng tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị HĐXX

Áp dụng Điều 38; 39 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 207; 210; 212; 219; 611; 612; 649; 651 BLDS; Điều 147, 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 12; 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị K về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

- Phân chia tài sản chung là mảnh đất 979m² diện tích sử dụng thực tế là 1575,3m², trong đó 400m² là đất ở và cây lâu năm, 1175,3m² là đất vườn tại thôn chòi, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01254 QSDĐ/QĐ số 599/QĐ/UB(H) ngày 21/9/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn cụ T:

+ Giao cho cụ Nguyễn Thị K được quản lý sử dụng diện tích đất 502,6m² (Trong đó có 150m² đất ở, 352,6m² đất vườn) có các cạnh phía tây bắc giáp nhà ông Cốp có các cạnh 1-2 có chiều dài 4,87m; 2-3 có chiều dài 9,82m; 3-4 có chiều dài 13,66m. Phía bắc giáp ruộng nhà ông T có các cạnh 4-5 có chiều dài 8,26m; Phía đông bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Đình Thìn có các cạnh 5-12 có chiều dài 27,10m; Phía nam giáp đường bê tông có các cạnh 1-13 có chiều dài 8,28m; 13 -12 có chiều dài 18,14m và toàn bộ cây cối là tài sản trên đất nhưng phải trả lại giá trị tài sản cây cối bằng tiền theo kết quả định giá cho ông T.

+ Giao cho ông Nguyễn Đình Thìn được quản lý sử dụng diện tích đất 343,5m² (Trong đó có 100m² đất ở, 243,5m² đất vườn) có các cạnh phía tây bắc giáp đất chia cho cụ Nguyễn Thị K có các cạnh 5-12 có chiều dài 27,10m. Phía bắc giáp ruộng nhà ông T và nương nước có các cạnh 5- 6 có chiều dài 4,44m; và 6 -7 có chiều dài 7,37m. Phía đông giáp đất chia cho cụ Nguyễn Đình Thìn có các cạnh 7-10 có chiều dài 31,31m; Phía nam giáp đường bê tông có các cạnh 10 -11 có chiều dài 10,42m và cạnh 11-12 có chiều dài 1,64m và và toàn bộ cây cối là tài sản trên đất nhưng phải trả lại giá trị tài sản cây cối bằng tiền theo kết quả định giá cho ông T.

+ Cụ Nguyễn Đình Thìn được hưởng diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn) có giá trị = 363.802.500đ có các cạnh phía tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Đình Thìn có các cạnh 17-10 có chiều dài 31,31m. Phía bắc giáp nương và ruộng của thôn có các cạnh 7-8 có chiều dài 21,04m; Phía đông bắc giáp đất ông Nguyễn Đình Thìn có các cạnh 8-9 có chiều dài 38,64m; Phía đông nam giáp đường bê tông có các cạnh 19-10 có chiều dài 21,38m;

- Phân chia di sản thừa kế là phần đất diện tích 729,2m² của cụ Nguyễn Đình Thìn (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn) có giá trị = 363.802.500đ chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ K và 7 con của cụ Thìn cụ K là ông T, ông T, ông Dục, ông T, ông T, bà T, bà T. Mỗi người được hưởng 1/8 di sản thừa kế.

+ Giao cho ông Nguyễn Đình T được quản lý sử dụng diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn) có giá trị = 363.802.500đ và toàn bộ các tài sản công trình trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4 loại 3 trị giá là 568.104.000 đồng. 01 nhà vệ sinh trị giá 12.055.000 đồng; 01 sân bê tông trị giá 21.127.000 đồng, T vánh lao trị giá 15.551.000 đồng, trụ cổng trị giá 2.152.000 đồng, cánh cổng bằng sắt trị giá 7.346.000đ và toàn bộ cây cối trên đất.

Do Ông T đã nhận lại phần đất của cụ Thìn nên ông T phải có trách nhiệm trích trả cho cụ K giá trị phần đất chênh lệch mà ông được hưởng từ cụ Thìn là 53.817.500 đồng

Ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm trích trả các đồng thừa kế gồm cụ Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T 1/8 giá trị tài sản được hưởng (có tổng giá trị là 363.802.500đ).

- Về chi phí tố tụng khi xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo vẽ hết số tiền 15.000.000 đồng. Các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị K đề nghị phân chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn để lại cụ Nguyễn Đình Thìn chết ngày 08/12/2014. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (thời điểm người để lại di sản chết). Vì vậy, tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện, những người được thừa kế có quyền khởi kiện.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án căn cứ điều 26 BLTTDS năm 2015: Việc cụ Nguyễn Thị K khởi kiện phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 979m² (trong đó có 400m² đất ở, 579m² đất vườn) diện tích thực tế là 1575,3m² tại thôn Chòi, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, được huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số 01254 QSDĐ/QĐ số 599/QĐ/UB(H) ngày 21/9/2001, mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS, TAND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật

[1.3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung:* Cụ Nguyễn Thị K khởi kiện phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 979m² (trong đó có 400m² đất ở, 579m² đất vườn) diện tích thực tế là 1575,3m² tại thôn Chồi, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, được huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01254 QSDĐ/QĐ số 599/QĐ/UB(H) ngày 21/9/2001, mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn. Cụ Thìn mất năm 2014.

Bị đơn là ông Nguyễn Đình T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ K ông T cho rằng khi còn sống cụ Thìn đã giao diện tích đất 979m² cho vợ chồng ông quản lý ông đã chăm lo cho bố mẹ và ông T, cụ Thìn đã đưa sổ đỏ cho ông cầm tuy nhiên ông vẫn chưa làm thủ tục sang tên ông. Nếu mẹ ông kiên quyết đòi lại đất ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật Ông đề nghị chia phần di sản thừa kế của cụ Thìn cho ông và giao phần đất ông đã làm nhà cho vợ chồng ông và ông sẽ trích chia trả các đồng thừa kế khác kỷ phần bằng tiền. Hiện nay mảnh đất 979m² trong GCNQSDĐ và diện tích thực tế là 1575,3m² mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn và các tài sản trên đất do vợ chồng ông xây dựng lên vợ chồng ông đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T đề nghị nếu Tòa án phân chia tài sản chung của bố mẹ ông thì ông đề nghị được hưởng phần đất vì ông không xây dựng gia đình vẫn ở chung với mẹ ông. Ông đề nghị được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ K các ông cho rằng bố mẹ các ông đã giao đất cho ông T và ông T đã xây nhà kiên cố trên đất, ông T là con trai trưởng bố mẹ ở chung với ông T, ông T lo cuộc sống và lo giỗ tết cho gia đình nên ông T được hưởng cả là diện tích đất 979m².

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ K phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ Thìn và đề nghị được hưởng kỷ phần là đất. Tại phiên tòa bà T, ông D thay đổi lời khai và đề nghị được hưởng phần di sản thừa kế trị giá bằng tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị P vợ ông Nguyễn Đình T nhất trí với ý kiến của ông T bà không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn Q là các con trai và con dâu ông T bà P trình bày là các anh chị sống cùng bố mẹ bà và chú T tất cả tài sản trên đất là do cả gia đình tạo dựng

lên nếu Tòa án chia di sản thừa kế thì giao cho bố mẹ anh chị là ông T bà P quản lý và trích chia trả các đồng thừa kế khác theo tỷ phần bằng tiền.

Ông Nguyễn Đình T là người không được nhanh nhẹn có sở thần kinh Tòa án đã lập biên bản giải thích về việc giám định tâm thần đối với ông T nhưng không có ai yêu cầu giám định tâm thần đối với ông T nên Tòa án vẫn giải quyết theo quy định chung. Cụ K là mẹ đẻ ông T là người giám hộ nhưng do tuổi cao nên ủy quyền cho ông Nguyễn Đình D là người giám hộ cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

Xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quan điểm tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa HĐXX thấy: Căn cứ điều 38, 39 luật HNGĐ thì việc cụ K đề nghị phân chia tài sản chung là mảnh đất 979m² theo GCNQSDĐ và diện tích thực tế là 1575,3m² ở thôn Chồi xã Lục Sơn, huyện Lục Nam mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn. Cụ Thìn mất năm 2014 không để lại di chúc cụ K chưa đề nghị phân chia tài sản chung xác định mảnh đất 979m² diện tích thực tế là 1575,3m² là khối tài sản chung của cụ Thìn và cụ K. Ông Nguyễn Đình T vẫn ở chung với cụ K khi được Nhà nước cấp GCNQSDĐ cấp cho hộ gia đình nên khi phân chia tài sản chung của cụ Thìn và cụ K cần chia cho ông T một phần nhỏ hơn cụ Thìn và cụ K. Theo nguyên tắc phân chia tài sản chung vợ chồng là bằng nhau, tuy nhiên do ông T đã xây dựng nhà và các công trình kiên cố trên diện tích đất 729,2m² nên cụ Thìn sẽ được hưởng phần đất nhiều hơn cụ K. Cụ K và các con cụ K đều nhất trí và không có ý kiến gì, do cụ Thìn đã chết nên xác định diện tích này là phần di sản thừa kế sẽ chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ K và 7 người con nên vẫn đảm bảo sự công bằng cho các đồng thừa kế.

Căn cứ Điều 649; điều 650; điều 651 BLDS cụ Thìn khi chết không để lại di chúc nên cụ K đề nghị phân chia phần tài sản mà cụ Thìn được hưởng là di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

Cụ K đề nghị chia di sản thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thìn gồm cụ K và 7 người con. Cụ K đề nghị Tòa án giao phần đất là di sản thừa kế của cụ Thìn cho ông Nguyễn Đình T quản lý sử dụng vì ông T đã xây nhà kiên cố trên đất. Trích chia bằng tiền cho các đồng thừa kế khác bằng tiền. Xét thấy yêu cầu của cụ K có căn cứ và phù hợp với thực tế hiện tại nên cần chấp nhận.

[3]. Về xác định tài sản chung: Diện tích đất 979m² (trong đó có 400m² đất ở, 597m² đất vườn) diện tích thực tế là 1575,3m² có nguồn gốc là của cụ Thìn và cụ K sử dụng từ những năm 1960. Đến năm 2001 thì được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình cụ Nguyễn Đình Thìn. Tại thời điểm năm 2001 thì hộ khẩu của gia đình cụ Nguyễn Đình Thìn gồm có: Cụ Nguyễn Đình Thìn, cụ Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đình T. Cụ K và các con cụ K đều thừa nhận.

Quá trình giải quyết vụ án thì diện tích đo vẽ thực tế phần diện tích đất của hộ cụ Nguyễn Đình Thìn diện tích là 1575,3m². Qua xác minh phần diện tích tăng thêm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 596,3m² là diện tích tăng lên

do sai số đo vẽ cần giao cho gia đình cụ Nguyễn Đình Thìn quản lý sử dụng vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, xác định tài sản chung của cụ K và cụ Thìn là diện tích đất 1575,3m². Năm 2005 cụ Thìn đã giao đất cho ông T và ông T chăm lo cho 2 cụ và ông T, gia đình ông T đã trồng cây cối và xây dựng các công trình trên đất toàn bộ tài sản trên đất đều do gia đình ông T phát triển nên toàn bộ tài sản trên đất là giao cho ông T quản lý sử dụng. Tuy nhiên khi chia tài sản chung cho cụ Thìn, cụ K, ông T thì các cây cối lâm lộc nằm trên đất mà cụ K ông T được hưởng thì phải trả ông T số tiền tương đương với số tài sản mà cụ K ông T được hưởng.

Phần đất cụ Thìn được chia xác định là di sản thừa kế. Vì vậy, di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Thìn để lại diện tích đất 729,2m² trị giá 363.802.500đ sẽ được chia làm 8 phần bằng nhau. Nhưng do gia đình ông T xây các công trình kiên cố trên đất nên cần giao cho ông T quản lý sử dụng diện tích đất và trích chia trả các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần được hưởng bằng tiền.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX phân chia tài sản chung của cụ K cụ Thìn như sau:

+ Cụ Nguyễn Thị K được hưởng diện tích đất 502,6m² (Trong đó có 150m² đất ở, 352,6m² đất vườn trị giá = 309.985.000đ) có các cạnh phía tây bắc giáp nhà ông Cốp có các cạnh 1-2 có chiều dài 4,87m; 2-3 có chiều dài 9,82m; 3-4 có chiều dài 13,66m. Phía bắc giáp ruộng nhà ông T và nương của thôn có các cạnh 4-5 có chiều dài 8,26m; Phía đông bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Đình T có các cạnh 5-12 có chiều dài 27,10m ; Phía nam giáp đường bê tông có các cạnh 1-13 có chiều dài 8,28m; 13 -12 có chiều dài 18,14m; Trên diện tích đất có các tài sản 13 cây nhãn to trị giá 10.205.000đ, 9 cây nhãn nhỏ trị giá 2.880.000đ, 7 cây vải to trị giá 19.278.000đ, 1 cây bưởi trị giá 2.585.000đ, 5 cây xoan trị giá 739.906đ. Tổng tài sản trên đất trị giá 35.687.906đ. Cụ Nguyễn Thị K phải trả ông Nguyễn Đình T số tài sản trên đất mà cụ được hưởng 35.687.906đ.

+ Ông Nguyễn Đình T được hưởng diện tích đất 343,5m² (Trong đó có 100m² đất ở, 242,5m² đất vườn = 210.178.500đ) có các cạnh phía tây bắc giáp đất chia cho cụ Nguyễn Thị K có các cạnh 5-12 có chiều dài 27,10m. Phía bắc giáp ruộng nhà ông T và nương của thôn có các cạnh 5- 6 có chiều dài 4,44m; và 6 -7 có chiều dài 7,37m. Phía đông bắc giáp đất chia cho cụ Nguyễn Đình Thìn có các cạnh 7-10 có chiều dài 31,31m; Phía nam giáp đường bê tông có các cạnh 10 -11 có chiều dài 10,42m và cạnh 11-12 có chiều dài 1,64m; Trên diện tích đất có các tài sản: 9 cây nhãn nhỏ trị giá 2.880.000đ, 7 cây vải to trị giá 19.278.000đ, 01cây xoan nhỏ trị giá 109.000đ và 2 cây mít trị giá 640.000. Tổng tài sản trên đất trị giá 22.907.000đ. Ông Nguyễn Đình T phải trả ông Nguyễn Đình T số tài sản trên đất mà ông được hưởng 22.907.000đ.

+ Cụ Nguyễn Đình Thìn được hưởng diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn = 417.620.000đ) có các cạnh phía tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Đình T có các cạnh 17-10 có chiều dài 31,31m. Phía bắc giáp nương và ruộng của thôn có các cạnh 7-8 có chiều dài 21,04m; Phía đông

bắc giáp đất ông Nguyễn Đình Dcó các cạnh 8-9 có chiều dài 38,64m; Phía đông nam giáp đường bê tông có các cạnh 19-10 có chiều dài 21,38m;

- Phân chia di sản thừa kế là phần đất cụ Nguyễn Đình Thìn được hưởng là diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn trị giá 417.620.000đ) chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ K và 7 con của cụ Thìn cụ K gồm: Cụ K, bà T, ông T, ông T, ông Dục, ông T, ông T, bà T mỗi người được hưởng 1/8 di sản thừa kế: 417.620.000đ: 8 người = 52.202.500đ.

Ông Nguyễn Đình T được quản lý sử dụng diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn = 417.620.000đ) và toàn bộ các tài sản công trình trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4 loại 3 trị giá là 568.104.000 đồng. 01 nhà vệ sinh trị giá 12.055.000 đồng; 01 sân bê tông trị giá 21.127.000 đồng, T vảnh lao trị giá 15.551.000 đồng, trụ công trị giá 2.152.000 đồng, cánh cổng bằng sắt trị giá 7.346.000đ, 01 cây nhãn to trị giá 785.000đ, 01 cây nhãn nhỏ trị giá 320.000đ; 07 cây vải to trị giá 19.278.000đ) Tài sản trên đất 646.718.000đ. Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất ông T được hưởng là 1.064.328.000đ

Do ông T được quản lý sử dụng diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn = 417.620.000đ) là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Thìn để lại nên ông T có trách nhiệm trả các đồng thừa kế khác gồm cụ K, bà T, ông T, ông Dục, ông T, ông T, bà T mỗi người 52.202.500đ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng khi xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo vẽ hết số tiền 15.000.000 đồng.

Số tiền chi phí tố tụng 15.000.000đ được chia làm 3 phần: Cụ K, ông T mỗi người chịu 5.000.000đ, còn lại phần của cụ Thìn 5.000.000đ chia cho hàng thừa kế thứ nhất là cụ K, ông T, ông T, ông T, ông Dục, ông T, bà T, bà T 5.000.000 : 8 người = 625.000/ 1 người. Xác nhận cụ K đã nộp đủ. Buộc ông T, ông T, ông T, ông T, ông Dục, bà T, bà T mỗi người phải thanh toán trả cụ K số tiền 625.000 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 11, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ Nguyễn Thị K phải chịu 17.283.645đ bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.610.125đ, ông Nguyễn Đình T phải chịu 2.610.125đ nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Ông Nguyễn Đình T phải chịu 11.654.250 đồng án phí. Nhưng thuộc diện miễn án phí DSST.

Ông T, ông T, ông Dục, bà T mỗi người phải chịu 2.610.125đ án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 38, 39 Luật HNGĐ; Điều 26, 35, 39, 217, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các 609, 611, 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 11, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị K.

- Phân chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị K và cụ Nguyễn Đình Thìn là mảnh đất 797m² diện tích sử dụng thực tế là 1575,3m², trong đó 400m² là đất ở và cây lâu năm, 1175,3m² đất vườn tại thôn Chồi, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01254 QSDĐ/QĐ số 599/QĐ/UB(H) ngày 21/9/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Thìn cụ T như sau:

+ Giao cho cụ Nguyễn Thị K được quản lý sử dụng diện tích đất 502,6m² (Trong đó có 150m² đất ở, 352,6m² đất vườn trị giá 309.985.000đ) có các cạnh phía tây bắc giáp nhà ông Cốp có các cạnh 1-2 có chiều dài 4,87m; 2-3 có chiều dài 9,82m; 3-4 có chiều dài 13,66m. Phía bắc giáp ruộng nhà ông T và nương của thôn có các cạnh 4-5 có chiều dài 8,26m; Phía đông bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Đình T có các cạnh 5-12 có chiều dài 27,10m ; Phía nam giáp đường bê tông có các cạnh 1-13 có chiều dài 8,28m; 13 -12 có chiều dài 18,14m; Trên diện tích đất có các tài sản 13 cây nhãn to trị giá 10.205.000đ, 9 cây nhãn nhỏ trị giá 2.880.000đ, 7 cây vải to trị giá 19.278.000đ, 1 cây bưởi trị giá 2.585.000đ, 5 cây xoan trị giá 739.906đ. Tổng tài sản trên đất trị giá 35.687.906đ. Cụ Nguyễn Thị K phải trả ông Nguyễn Đình T số tài sản trên đất mà cụ được hưởng 35.687.906đ.

+ Giao cho ông Nguyễn Đình T được quản lý sử dụng diện tích đất 343,5m² (Trong đó có 100m² đất ở, 242,5m² đất vườn trị giá 210.178.500đ) có các cạnh phía tây bắc giáp đất chia cho cụ Nguyễn Thị K có các cạnh 5-12 có chiều dài 27,10m. Phía bắc giáp ruộng nhà ông T và nương của thôn có các cạnh 5- 6 có chiều dài 4,44m; và 6 -7 có chiều dài 7,37m. Phía đông bắc giáp đất chia cho cụ Nguyễn Đình Thìn có các cạnh 7-10 có chiều dài 31,31m; Phía nam giáp đường bê tông có các cạnh 10 -11 có chiều dài 10,42m và cạnh 11-12 có chiều dài 1,64m; Trên diện tích đất có các tài sản: 9 cây nhãn nhỏ trị giá 2.880.000đ, 7 cây vải to trị giá 19.278.000đ, 01cây xoan nhỏ trị giá 109.000đ và 2 cây mít trị giá 640.000. Tổng tài sản trên đất trị giá 22.907.000đ. Ông Nguyễn Đình T phải trả ông Nguyễn Đình Thìn số tài sản trên đất mà ông được hưởng 22.907.000đ.

+ Cụ Nguyễn Đình Thìn được hưởng diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn trị giá 417.620.000đ) có các cạnh phía tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Đình T có các cạnh 17-10 có chiều dài 31,31m. Phía bắc giáp nương và ruộng của thôn có các cạnh 7-8 có chiều dài 21,04m; Phía đông bắc giáp đất ông Nguyễn Đình D có các cạnh 8-9 có chiều dài 38,64m; Phía đông nam giáp đường bê tông có các cạnh 19-10 có chiều dài 21,38m;

- Phân chia di sản thừa kế là phần đất diện tích 729,2m² của cụ Nguyễn Đình Thìn (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn trị giá 417.620.000đ) chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: cụ K và 7 người con là ông T, ông T, ông Đức, ông T, ông T, bà T, bà T. Mỗi người được hưởng 1/8 di sản thừa kế 52.202.500đ.

Giao cho ông Nguyễn Đình T được quản lý sử dụng diện tích đất 729,2m² (Trong đó có 150m² đất ở, 579,2m² đất vườn trị giá 417.620.000đ) và toàn bộ các tài sản công trình trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4 loại 3 trị giá là 568.104.000 đồng. 01 nhà vệ sinh trị giá 12.055.000 đồng; 01 sân bê tông trị giá 21.127.000 đồng, T vành lao trị giá 15.551.000 đồng, trụ cổng trị giá 2.152.000 đồng, cánh cổng bằng sắt trị giá 7.346.000đ, 01 cây nhãn to trị giá 785.000đ, 01 cây nhãn nhỏ trị giá 320.000đ; 07 cây vải to trị giá 19.278.000đ) Tài sản trên đất 646.718.000đ. Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất ông T được hưởng là 1.064.328.000đ. (có sơ đồ kèm theo bản án)

Ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm trích trả các đồng thừa kế gồm cụ Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T mỗi người 52.202.500đ.

- Cụ Nguyễn Thị K được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là 52.202.500đ. Cụ Nguyễn Thị K phải trả cho ông Nguyễn Đình T số tài sản trên đất mà cụ được hưởng 35.687.906đ.

- Bà Nguyễn Thị T được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là 52.202.500đ.

- Ông Nguyễn Văn T được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là 52.202.500đ.

- Ông Nguyễn Văn D được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là 52.202.500đ.

- Ông Nguyễn Văn T được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là 52.202.500đ.

- Ông Nguyễn Đình T được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là 52.202.500đ. Ông Nguyễn Đình T phải trả cho ông Nguyễn Đình T số tài sản trên đất mà ông được hưởng 22.907.000đ..

- Bà Nguyễn Thị T được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là 52.202.500đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí hết số tiền 15.000.000đ. Cụ K, ông T mỗi người chịu 5.000.000đ, còn lại phần của cụ Thìn 5.000.000đ chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ K, ông T, ông T, ông T, ông Dục, ông T, bà T, bà T mỗi người phải nộp 625.000đ. Xác nhận cụ K đã nộp đủ. Buộc ông T, ông T, ông T, ông T, ông Dục, bà T, bà T mỗi người phải thanh toán trả cụ K số tiền 625.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 11, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình T là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông Nguyễn Đình T thuộc diện được miễn án phí DSST.

Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Đình D, bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 2.610.125đ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự